

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HNGĐ-ST
Ngày 09-4-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Hồng Hạnh

Bà Trần Thị Thu Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Nhật Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 515/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2018 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số M đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1987; nơi ĐKKHKT: Số M đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; hiện đang thi hành án tại: Đội R, phân trại S, Trại giam Q, Cục C10, Bộ Công an; địa chỉ: Xã X, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/05/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị và Anh Phạm Văn C lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 08/9/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau gây căng thẳng trong cuộc sống. Mặt khác anh C chơi bời và đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” bị xử với mức án 17 năm tù. Hiện anh C đang chấp hành án tại Đội 15, phân trại số 3, Trại giam Xuân Nguyên, Cục C10, Bộ Công an, vợ chồng chị sống ly thân từ đó. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 01 con chung là Phạm Tuấn Long, sinh ngày 30/9/2009. Ly hôn, chị H xin nhận nuôi dưỡng con chung đến khi thành niên và không yêu cầu anh C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/01/2019 và 22/01/2019, Anh Phạm Văn C trình bày:

Anh thừa nhận lời khai của chị H về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung như chị H đã trình bày. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2012, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống và do anh phạm tội và phải chấp hành án tù 17 năm, từ năm 2012. Sau khi bị bắt thi hành án, ban đầu chị H vẫn thăm nom anh đầy đủ, sau này anh thấy chị H có biểu hiện lạnh nhạt với anh. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu chị H tôn trọng anh, cụ thể trước khi gửi đơn ly hôn ra Tòa án mà chị H đến nói chuyện với anh về việc ly hôn thì anh đồng ý ly hôn để giải thoát cho chị H. Nhưng vì chị H không tôn trọng anh, không báo cho anh biết trước nên anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Tuấn Long, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2009. Anh C xác định, do hiện nay anh đang phải chấp hành án nên đồng ý để chị H nuôi con, với điều kiện chị H vẫn phải để bà nội quan tâm, thăm nom, chăm sóc cháu Long và chị H không được đưa cháu Long về sống ở Quảng Ninh nơi bố mẹ chị H đang ở. Về việc cấp dưỡng nuôi con, anh và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về cuộc sống hôn nhân của chị H và anh C qua việc lấy lời khai của mẹ đẻ anh C và tổ trưởng tổ dân phố nơi anh C và chị H chung sống.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện cũng như quá trình giải quyết vụ án, đề nghị được ly hôn anh C và xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung. Bị đơn Anh C đã được triệu tập hợp lệ do hiện đang phải chấp hành án nên vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt). Hội đồng xét xử công bố lời khai có trong hồ sơ như nội dung nêu trên.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Qua nghiên cứu hồ sơ thấy rằng việc thụ lý vụ án cũng như quá trình xây dựng lập hồ sơ và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các trình tự quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Phía nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn với anh C và giao con chung cho chị H nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Trần Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Anh Phạm Văn C có đơn nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[2] Chị Trần Thị Thanh H và Anh Phạm Văn C lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng ngày 08/9/2009 nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống và anh C phạm tội phải chấp hành án phạt tù 17 năm tại trại giam Xuân Nguyên. Chị H và anh C đã sống ly thân từ đó cho đến nay không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần giải quyết cho chị H được ly hôn với anh C là phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh C.

+ Về con chung:

[4] Chị H và anh C có 01 con chung là Phạm Tuấn Long, sinh ngày 30/9/2009. Ly hôn, chị H xin nhận nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét anh C đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên không có điều kiện để chăm sóc cháu Long. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cháu Long cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung:

[5] Chị H, anh C không có tài sản chung, không yêu cầu Toà giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Về án phí:

[6] Chị Trần Thị Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh H được ly hôn với Anh Phạm Văn C.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Tuấn Long, sinh ngày 30/9/2009 cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Long đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị H, anh C không có tài sản chung, không yêu cầu Toà giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng theo biên lai số 0015537 ngày 19/12/2018. Chị Trần Thị Thanh H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn Anh Phạm Văn C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lương Khánh Thiện, quận Ngô Quyền (đăng ký ngày 08/9/2009);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- UBND phường Lạc Viên, quận Ngô Quyền;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Giang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

Nguyễn Thị Hoài
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoài